

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TẠI HÀ NỘI Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 78/2021/HCTP

Ngày: 25/3/2021

V/v: Khiếu kiện quyết định
hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Ông Nguyễn Xuân Hùng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 497/2020/TLPT-HC ngày 08 tháng 10 năm 2020, về quyết định hành **chính** do có kháng cáo của người thừa kế quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 01/2015/HCST ngày 01/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8835/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, vụ án có các đương sự sau:

* **Người khởi kiện:** Ông N, sinh năm 1943 (đã chết);

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông N:

- Bà N1, sinh năm 1947; có mặt.
- Anh N2, sinh năm 1982; có mặt.
- Anh N3, sinh năm 1984; vắng mặt.
- Anh N4, sinh năm 1988; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T7, xã T, huyện V, tỉnh P;

- Chị N5, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn T8, xã T9, huyện T10, tỉnh P; vắng mặt.

- Chị N6, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn T11, xã T, huyện V, tỉnh P; vắng mặt.

- Anh N7, sinh năm 1970; vắng mặt.

- Chị N8, sinh năm 1972; vắng mặt.

- Chị N9 sinh năm 1976; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T7, xã T, huyện V, tỉnh P;

Người đại diện theo ủy quyền của bà N1, anh N2, anh N3, anh N4, chị N5, chị N6: Anh H, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm T5, xã T4, thành phố T6, tỉnh P; có mặt.

* Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T2; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh P;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T3; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh P; có mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh P;

Người đại diện theo pháp luật: Ông T2; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh P;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T3; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh P; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà N1, sinh năm 1947; có mặt.

- Anh N2, sinh năm 1982; có mặt.

- Anh N3, sinh năm 1984; vắng mặt.

- Anh N4, sinh năm 1988; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T7, xã T, huyện V, tỉnh P;

- Chị N5, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn T8, xã T9, huyện T10, tỉnh P; vắng mặt.

- Chị N6, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn T11, xã T, huyện V, tỉnh P; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N1, anh N2, anh N3, anh N4, chị N5, chị N6: Anh H, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm T5, xã T4, thành phố T6, tỉnh P; có mặt.

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh P;

Người đại diện theo pháp luật: Ông T1; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2015 và những lời khai tiếp theo, người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng ông H trình bày: Bà N1 có chồng là ông N (chết ngày 18/3/2015), gia đình ông N bà N1 được Nhà nước giao cho 3061m² đất nông nghiệp tại thôn T7, xã T, huyện V đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 10/10/1999 đứng tên hộ ông N. Kể từ khi được cấp đất gia đình ông N bà N1 sử dụng ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước không xảy ra tranh chấp với ai. Đến tháng 10/2014 thông qua một số hộ dân có đất canh tác ở gần nhà mình và qua hệ thống loa truyền thanh của UBND xã T gia đình bà N1 được biết thông tin, UBND huyện V đã ra quyết định thu hồi 1.225,7m² diện tích đất nông nghiệp của gia đình gồm các thửa số 71.1; thửa 72.1; thửa 73.4; thửa 74.1 và thửa 75.1 thuộc tờ bản đồ số 9 (theo bản đồ 299) tại sù đồng L, thôn T7, xã T. Đến ngày 24/12/2014, UBND huyện V đã ra quyết định số 7169/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất của gia đình ông N bà N1 (gọi tắt là Quyết định số 7169) và thành lập hội đồng cưỡng chế do trưởng Công an xã T là trưởng ban đến đọc quyết định cưỡng chế trên cho gia đình ông N bà N1 biết. Nhưng gia đình ông N bà N1 không đồng ý với quyết định thu hồi đất đối với toàn bộ diện tích đất trên, nên làm đơn tố cáo gửi các cơ quan chức năng giải quyết đòi lại quyền lợi hợp pháp, đồng thời yêu cầu UBND xã T cung cấp quyết định thu hồi đất. Trả lời những yêu cầu của gia đình ông N bà N1, sau UBND xã T cung cấp cho gia đình ông N bà N1 quyết định số 1357/QĐ- UBND ngày 30/9/2011 của UBND huyện V “V/v thu hồi đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Khu văn hóa thể thao xã T, huyện V” (gọi tắt là Quyết định số 1357). Quyết định 842a/QĐ-UBND ngày 08/6/2012 của UBND huyện V “V/v điều chỉnh thu hồi đất để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng công trình: Khu văn hóa thể thao (sân vận động) xã T” (gọi tắt là Quyết định số 842a). Quyết định 2034/QĐ- UBND ngày 29/7/2014 của UBND tỉnh P “V/v thu hồi và giao đất cho UBND xã T thực hiện Dự án xây dựng Sân vận động xã T, huyện V, tỉnh P” (gọi tắt là Quyết định số 2034). Quyết định số 7169/QĐ- UBND ngày 24/12/2014 của UBND huyện V “V/v cưỡng chế thu hồi đất”. Khi nhận được những quyết định trên gia đình ông N bà N1 rất bất ngờ về những giấy tờ trên, điều bất hợp lý là trong những quyết định đó có những quyết định ra đời từ năm 2011, tuy nhiên đến thời điểm bị cưỡng chế thu hồi đất gia đình bà N1 không biết bất kỳ một thông tin gì liên quan đến sự vụ này. Trong những quyết định gia đình ông N bà N1 nhận được có mâu thuẫn về thời gian ban hành cụ thể là: Ngày 30/9/2011 UBND huyện V ra quyết định số 1357/QĐ-UBND thu hồi đất để thực hiện bồi thường hỗ trợ tái định cư công trình: Khu văn hóa thể thao văn hóa huyện V. Đến ngày 29/7/2014 UBND tỉnh P mới ra quyết định số 2034/QĐ - UBND về việc thu hồi đất giao cho UBND xã T thực hiện dự án xây dựng Sân vận động xã T, huyện V. Quyết định của UBND tỉnh có giá trị pháp lý cao hơn lại ra đời sau văn bản của UBND huyện có giá trị pháp lý thấp hơn tới hai năm là bất hợp lý nên gia đình ông N bà N1 làm đơn khiếu nại đến UBND huyện V. Ngày 12/01/2015 gia đình ông N bà N1 nhận

được công văn số 40/UBND-VP “V/v trả lời đơn” nhưng nội dung của đơn thư này đều không có cơ sở pháp luật và không đúng sự thật khách quan. Hành động thu hồi đất của UBND huyện V là trái quy định của pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng quyền lợi hợp pháp của gia đình ông N bà N1 trong việc sử dụng đất như:

Việc gia đình không nhận được quyết định thu hồi đất UBND xã T giải thích “ Thời điểm UBND huyện V ban hành quyết định thu hồi đất đến hộ gia đình, cá nhân để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng công trình: Khu văn hóa thể thao xã T thì không có quy định về việc gửi quyết định thu hồi đất đến từng hộ gia đình”. Đây là lời giải thích thiếu trách nhiệm không nắm rõ quy định của văn bản khi áp dụng pháp luật. Giải thích trên của UBND xã T là trái với quy định của luật đất đai về việc thu hồi đất, đền bù và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Khi thực hiện thu hồi đất UBND huyện V không tuân thủ các trình tự thủ tục của luật đất đai; Quyết định thu hồi đất của UBND huyện V ra trước quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh P; UBND huyện không thông báo và gửi quyết định thu hồi đất cho gia đình ông N bà N1 như vậy những hành động trên của UBND huyện V là trái quy định của pháp luật đất đai, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của người sử dụng đất.

Ngày 13/01/2015 Hội đồng cưỡng chế của UBND huyện V và UBND xã T tổ chức cưỡng chế thu hồi toàn bộ diện tích đất trên của gia đình ông N bà N1, cưỡng chế chặt phá toàn bộ các tài sản cây cối lâm lộc trên đất, không tiến hành kiểm đếm, thống kê tài sản trên đất...Khi cưỡng chế không thông báo, không mời gia đình ông N bà N1 tham gia không đọc quyết định cưỡng chế của Chủ tịch UBND huyện V. Trước khi tiến hành cưỡng chế thu hồi đất, tài sản trên đất của gia đình bà N1 đã tiến hành đổi ruộng đất và cải tạo, đổ đất trồng cây lâm lộc trên diện tích đất đó. Nay yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V hủy bỏ hiệu lực của các quyết định sau:

- Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 30/9/2011 của UBND huyện V “V/v thu hồi đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Khu văn hóa thể thao xã T, huyện V”.

- Quyết định điều chỉnh thu hồi đất số 842a/QĐ-UBND ngày 08/6/2012 của UBND huyện V “V/v điều chỉnh thu hồi đất để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng công trình: Khu văn hóa thể thao (sân vận động) xã T”.

- Quyết định số 7169/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của UBND huyện V “V/v cưỡng chế thu hồi đất ”.

- Công văn trả lời đơn số 40-UBND-VP ngày 12/01/2015 của UBND huyện V về việc trả lời đơn.

Yêu cầu UBND huyện V hoàn trả lại mặt bằng, diện tích đất nguyên trạng cho gia đình ông N bà N1. Bồi thường thiệt hại về vật chất, tài sản trên đất cùng với hành động cưỡng chế trái pháp luật đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến gia đình

bà N1. Buộc UBND huyện V phải bồi thường cho gia đình ông N bà N1 chi phí thuê đồ đất, san lấp mặt bằng là 162.700.000 đồng; cây cối lâm lộc trên đất (cây lấy gỗ, cây ăn quả...) 300.000.000 đồng tổng cộng là 462.700.000 đồng.

Chị N8, chị N9 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N trình bày: Bố các chị là ông N (chết ngày 18/3/2015) mẹ là bà N1, bố mẹ sinh được 08 người con trong đó có 04 trai và 04 con gái. Về diện tích đất canh tác của gia đình ở xứ đồng L tại thôn T7, xã T bị Nhà nước thu hồi làm Sân vận động xã T, diện tích đất và số thửa các chị không rõ. Nhưng đó là tiêu chuẩn ruộng của bố mẹ và các anh, em là chị N5, N6, anh N2, N3, N4 còn các chị và anh N7 không có liên quan gì đến diện tích đất đã bị thu hồi của bố mẹ và các anh chị em trên vì các chị đã có gia đình ở riêng có sổ đỏ riêng. Nay mẹ cùng các anh, em của các chị yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ kiện, các chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã báo gọi nhiều lần anh N7 không đến làm việc nên không lấy được lời khai. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/7/2015, chị W vợ anh N7 trình bày: Gia đình chị có nhận được giấy báo của Tòa án báo anh N7 đến làm việc nhưng anh N7 không có nhà đi làm ở Hà Nội (địa chỉ cụ thể chị không biết). Về diện tích ruộng canh tác của gia đình nhà chồng bị Nhà nước thu hồi cụ thể bao nhiêu mét ở xứ đồng nào chị không rõ, về tiêu chuẩn ruộng canh tác bị thu hồi chỉ liên quan đến bố mẹ chồng và các em chồng chị còn vợ chồng chị không có liên quan gì. Vì vợ chồng chị đã được Nhà nước cấp phần ruộng canh tác riêng có sổ đỏ riêng, quan điểm của chị là vợ chồng chị không có liên quan nên không có ý kiến gì đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, ông T2 - Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện V trình bày: Căn cứ quyết định số 1357/QĐ - UBND ngày 30/9/2011 ‘V/v thu hồi đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Khu văn hóa thể thao xã T, huyện V’ Quyết định số 842a/QĐ - UBND ngày 08/6/2012 “V/v điều chỉnh thu hồi đất để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng công trình: Khu văn hóa thể thao (sân vận động) xã T” của UBND huyện V thì hộ ông N (chết 18/3/2015) bị thu hồi 1.225,7m² đất nông nghiệp ở xứ đồng L, thôn T7, xã T. Mục đích thu hồi đất để thực hiện làm dự án Sân vận động xã T. Việc UBND huyện V ban hành hai Quyết định trên là đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tại thời điểm thu hồi đất (Luật đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành). Sau khi UBND huyện V ban hành quyết định thu hồi đất và giao cho UBND xã T niêm yết công khai quyết định thu hồi đất tại trụ sở UBND xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư có đất bị thu hồi và thông báo trên hệ thống loa truyền thanh của xã. Thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các chủ sử dụng có đất bị thu hồi. Hoàn thiện hồ sơ xin thu hồi, giao đất trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định hiện hành của pháp luật. Chính lý hồ sơ địa chính theo quy định của luật đất đai, thành lập hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng công trình đã triển khai thực hiện các bước theo đúng

quy định. Nhưng hộ ông N bà N1 không nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án Sân vận động xã T. Ngày 06/11/2014, Chủ tịch UBND huyện V thành lập ban chỉ đạo cưỡng chế thu hồi đất. Sau khi thành lập ban chỉ đạo cưỡng chế thu hồi đất phối hợp cùng với các ban ngành đoàn thể của huyện và UBND xã T, Hội đồng bồi thường GPMB công trình thực hiện việc tuyên truyền, vận động thuyết phục nhưng hộ ông N bà N1 không chấp hành quyết định thu hồi đất của UBND huyện V. Nên ngày 24/12/2014 Chủ tịch UBND huyện V ban hành quyết định số 7169/QĐ - UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ gia đình ông N bà N1 đúng trình tự thủ tục quy định của luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn tại thời điểm cưỡng chế. Sau khi ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất, ngày 25/12/2014 UBND xã T đã giao quyết định cưỡng chế thu hồi đất cho hộ ông N, bà N1 nhưng ông N, bà N1 không nhận. Sau đó ông W2 - trưởng công an xã đã đọc Quyết định cưỡng chế tại nhà ông N, UBND xã T đã niêm yết công khai quyết định cưỡng chế tại UBND xã T và nhà văn hóa thôn T7. Còn công văn trả lời đơn số 40/UBND-VP ngày 12/01/2015 của UBND huyện V ban hành đúng theo quy định của pháp luật.

Nay UBND huyện V không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hộ ông N, bà N1 vì UBND huyện V đã ban hành quyết định thu hồi đất đối với hộ ông N, bà N1 là đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Gia đình ông N, bà N1 yêu cầu UBND huyện V hoàn trả lại mặt bằng, diện tích đất nguyên trạng cho gia đình. Bồi thường thiệt hại về vật chất, tài sản trên đất vì cưỡng chế trái pháp luật gây thiệt hại đến gia đình. Buộc bồi thường chi phí thuê đồ đất, san lấp mặt bằng 162.700.000 đồng; cây cối lâm lộc trên đất 300.000.000 đồng, tổng cộng 462.700.000 đồng, UBND huyện V không đồng ý.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H trình bày: Bố chị N5, chị N6, anh N2, anh N3, anh N4 là ông N (chết ngày 18/3/2005) bố mẹ các anh chị sinh được 08 người con nhưng có 03 người con là anh N7, chị N8, chị N9 không liên quan đến đất canh tác do UBND huyện V thu hồi để làm sân vận động xã T. Các anh chị thừa nhận bà N1 (mẹ các anh chị) trình bày trên là đúng, trên diện tích đất 1225,7m mà UBND huyện V đã thu hồi gia đình không cấy lúa mà trồng các cây cối như ổi, chuối, xừa, sung, xoài, na...vì năm 1995 gia đình đã được UBND xã T cho phép chuyển đổi mục đích. Khi có chủ trương làm dự án sân vận động xã T gia đình có được biết qua người dân làng nói cho biết, có các đoàn thể đến gia đình nói “các ông bà không nhận tiền thì chỉ có thiệt thôi”. Cán bộ xã vào gia đình nói sang ủy ban nhận tiền nhưng gia đình không nhận tiền là do việc thu hồi đất sai, gia đình không nhận bất cứ giấy tờ gì của UBND xã T và UBND huyện V giao. Gia đình không biết ai đã cưỡng chế các cây cối lâm lộc trên đất không biết họ chuyển cây cối đi đâu việc làm của UBND xã T, UBND huyện V là sai với quy định của pháp luật. Nay các anh chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện V hủy bỏ các quyết định và yêu cầu UBND huyện V bồi thường như người đại diện theo ủy quyền của bà N1 (mẹ các anh chị) trình bày trên.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã T ông W3 trình bày: Căn cứ vào quy hoạch kế hoạch sử dụng của UBND xã T tại khu đất sù đồng Rạch Trach (L T7) quy hoạch để làm sân vận động giai đoạn 2005 – 2010 đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Xuất phát từ tình hình thực tế địa phương chưa có sân vận động để tổ chức vui chơi vào các ngày lễ lớn. Căn cứ nghị quyết Hội đồng nhân dân xã kỳ họp thứ 9 khóa XIX ngày 17/01/2008 về việc xây dựng khu văn hóa thể thao (Sân vận động) xã T, biên bản họp dân ngày 19/7/2011 về việc thu hồi đất để làm sân vận động, biên bản họp dân ngày 18/8/2011 về công tác thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình sân vận động xã T. Biên bản họp dân ngày 24/8/2011 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án khu văn hóa thể thao (Sân vận động) xã T. Gia đình ông N, bà N1 được Nhà nước giao cho 3601m² đất đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên ông N từ năm 1999. Ngày 30/9/2011 UBND huyện V ban hành quyết định số 1357/QĐ - UBND thu hồi 1225,7m² đất canh tác của hộ gia đình ông N để thực hiện bồi thường hỗ trợ và tái định cư công trình: Khu văn hóa thể thao xã T, huyện V. Sau khi có quyết định thu hồi đất UBND xã đã tổ chức niêm yết công khai tại UBND xã T, tại đình làng thôn T7 và thông báo trên loa truyền thanh của xã T. Ngoài ra còn tuyên truyền mục đích thu hồi đất, chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư của dự án, chủ trì với Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng hỗ trợ và tái định cư, thực hiện kê khai, kiểm đếm xác nhận nguồn gốc, chủ sử dụng đất, tài sản trên đất bị thu hồi. Phối hợp và hỗ trợ cho việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người bị thu hồi đất và tạo điều kiện cho việc giải phóng mặt bằng. UBND xã đã giao cho ông W4 trưởng thôn T7 giao cho gia đình ông N bà N1 quyết định số 1358 ngày 30/9/2011 của UBND huyện V về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư công trình khu văn hóa thể thao (Sân vận động) xã T, huyện V. Quyết định số 549a ngày 11/6/2012 của UBND huyện V về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường hỗ trợ GPMB công trình khu văn hóa thể thao (Sân vận động) xã T, huyện V. Quyết định số 493a của UBND huyện V về việc phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư công trình khu văn hóa thể thao (Sân vận động) xã T, huyện V. Quyết định số 2034 ngày 29/7/2014 của UBND tỉnh P về việc thu hồi giao và đất cho UBND xã T thực hiện dự án xây dựng sân vận động xã T, huyện V, tỉnh P ông N xem sau 01 tuần thì đem trả cho UBND xã T. Ủy ban nhân dân xã đã tuyên truyền vận động nhiều lần nhưng gia đình ông N, bà N1 đưa ra lý do là phải đòi cho gia đình đất ở vị trí gần đường quốc lộ, hiện trạng thửa đất phải gọn thửa, mặt bằng phải bằng phẳng. UBND xã đã giải quyết cho gia đình ông N vào khu đất 5% của UBND xã nhưng ông N, bà N1 không đồng ý vì không giáp đường quốc lộ, xa khu dân cư. Ông N, bà N1 yêu cầu đòi đất khu trước cửa nhà ông Lực và khu công thôn, hai vị trí này là đất 95% của các hộ và đã được quy hoạch thành đất dịch vụ nên UBND xã không giải quyết.

Gia đình ông N bà N1 không chấp hành quyết định thu hồi đất nên ngày 24/12/2014 UBND huyện V đã ban hành quyết định số 7169/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông N. Ngày 25/12/2014 cán bộ UBND xã T

và thôn T7 (gồm 09 người) vào gia đình ông N, ông W6, trưởng công an xã đã đọc toàn bộ nội dung quyết định cưỡng chế thu hồi đất và giao quyết định cưỡng chế cho gia đình ông N, bà N1 nhưng ông N không nhận không ký biên bản. Ông N cho rằng từ trước tới giờ chưa có một quyết định nào thu hồi đất của gia đình, nên gia đình không nhận quyết định cưỡng chế. Ngày 13/01/2015 ban chỉ đạo cưỡng chế đã cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp đối với hộ gia đình ông N, trước khi cưỡng chế bà W7, Chủ tịch UBND xã T, ông W8, Chủ tịch hội đồng nhân dân xã T và ông W8 công an huyện V vào gia đình ông N, bà N1 vận động thuyết phục gia đình nhận tiền bồi thường và giao đất cho dự án nhưng ông N, bà N1 không đồng ý. Khi cưỡng chế lán xe ô tô và các tài sản trong nhà tạm, quán tạm gia đình ông N bà N1 tự tháo dỡ, ban cưỡng chế chỉ san gạt mặt bằng thu dọn các cây cối hoa màu trên đất và không thu giữ tài sản gì của gia đình ông N, bà N1. Tài sản trên đất của gia đình ông N, bà N1 đã được phê duyệt bồi thường là 86.272.552đ, tiền đất bồi thường là 237.899.900đ. Nay gia đình ông N, bà N1 yêu cầu bồi thường thiệt hại về đồ đất và các tài sản trên đất tổng cộng là 462.700.000đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2015/HCST, ngày 01/9/2015 Tòa án nhân dân tỉnh P, quyết định:

Áp dụng Điều 62, 66 Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 17 nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai; Điều 163 Luật tổ tụng hành chính. Pháp lệnh án phí số 10/2009/PL-UBTVQH 12 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N là bà N1, anh N2, anh N3, anh N4, chị N5, chị N6 về việc yêu cầu Tòa án hủy quyết định thu hồi đất số 1357/QĐ-UBND ngày 30/9/2011 của Chủ tịch UBND huyện V; Quyết định điều chỉnh thu hồi đất số 842a/QĐ-UBND ngày 08/6/2012 của Ủy ban nhân dân huyện V; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 7169/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của Ủy ban nhân dân huyện V; Công văn trả lời đơn số 40 ngày 12/01/2015 của Ủy ban nhân dân huyện V và yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về đồ đất và các tài sản trên đất tổng cộng là 462.700.000đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày đề nghị hủy bản án sơ thẩm do bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi không xác định tư cách tham gia tố tụng là chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V. Việc đánh giá chứng cứ không khách quan; việc thu hồi đất

không thực hiện đúng trình tự thủ tục nhưng bản án sơ thẩm chỉ nhận định chỉ là thiếu sót là không đúng; Đối với quyết định Cường chế 1769 thì Phó chủ tịch không được giao quyền ban hành quyết định cường chế khi chủ tịch không ghi ngày đc giao quyền (tháng 12/2014). Biên bản tuyên truyền không đủ các thành viên tham gia ký tên là vi phạm vì vậy đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện, hủy các quyết định hành chính.

Người bị kiện đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Hà Nội sau khi phân tích nội dung kháng cáo và tính hợp pháp của các quyết định bị khởi kiện đã kết luận: đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối tượng khởi kiện trong vụ án là Quyết định thu hồi đất và Quyết định cường chế thu hồi đất nên cấp sơ thẩm đã xác định người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện V và Chủ tịch UBND huyện V là đúng nên nội dung kháng cáo về tư cách tham gia tố tụng của phía người khởi kiện là không có căn cứ.

[2] Về nội dung: Người kháng cáo yêu cầu hủy các quyết định bị khởi kiện vì cho rằng việc ban hành quyết định trên không đúng gây thiệt hại cho gia đình ông N.

[2.1] Xét kháng cáo về các quyết định thu hồi đất: (Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 30/9/2011 của UBND huyện V; Quyết định 1358/QĐ-UBND; Quyết định 842a; quyết định 549 a; Quyết định 493; Quyết định 493a và quyết định 7169):

Gia đình ông N, bà N1 cho rằng khi thu hồi đất UBND huyện V không thông báo và không gửi quyết định thu hồi đất cho gia đình. Tuy nhiên công trình khu văn hóa thể thao (Sân vận động) xã T được triển khai từ năm 2011 liên quan đến 17 hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi. Đến nay có 16/17 hộ có đất bị thu hồi đã nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và bàn giao đất cho chủ đầu tư để thực hiện dự án còn hộ gia đình ông N, bà N1 chưa nhận tiền bồi thường. Sau khi có quyết định thu hồi đất của UBND huyện V ngày 01/10/2011 UBND xã T đã tiến hành niêm yết công khai quyết định thu hồi đất, danh sách các hộ dân có đất bị thu hồi, quyết định phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, phương án bồi thường cây cối, vật kiến trúc và tài sản trên đất và phương án hỗ trợ mồ mả vật kiến trúc tại UBND xã T, đình làng thôn T7 và thông báo trên loa truyền thanh của xã T. Ngoài ra UBND xã T đã phối hợp ban vận động GPMB đã nhiều lần đến nhà ông N vận động, thuyết phục gia đình nhận tiền bồi thường nhưng gia đình ông N không nhận tiền bồi thường; ngày 24/12/2014 Chủ tịch UBND huyện V ban hành quyết định 7169 cường chế thu hồi đất của gia đình ông N và bà N1 theo quy định.

Việc thu hồi đất để xây dựng Dự án sân vận động xã T phù hợp quy hoạch chung của tỉnh P, huyện V và xã T; việc ban hành Quyết định thu hồi đất số 1357 khi chưa có quyết định phê duyệt về địa điểm, chưa có quyết định thu hồi và giao đất của UBND tỉnh P là thực hiện chưa đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 29,30,31,32 Nghị định 69/2009 ngày 13/8/2009 của chính phủ. Tuy nhiên ngày 29/7/2014, UBND tỉnh P đã ban hành quyết định số 2034/QĐ – UBND về việc thu hồi đất và giao đất cho UBND xã T thực hiện dự án trên nên không cần thiết phải hủy các quyết định của UBND huyện V.

[2.2] Về nội dung các Quyết định bị kiện:

Gia đình ông N, bà N1 được Nhà nước giao cho 3601m² đất đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên hộ ông N từ năm 1999. Tại Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 30/9/2011 của Chủ tịch UBND huyện V (sau đây gọi tắt là Quyết định 1357) đã thu hồi 11.205,7m² của 17 hộ gia đình tại xã T, trong đó hộ ông N bị thu hồi 193,4m². Do không đúng diện tích bị thu hồi nên ngày 08/6/2012, UBND huyện đã ban hành quyết định 842a điều chỉnh thu hồi đất, theo đó hộ ông N bị thu hồi theo diện tích đo đạc thực tế là 1225,7m² đất thuộc các thửa 71,74,75. Ngày 26/6/2014, UBND huyện V ban hành quyết định 493 thu hồi của hộ ông N 1225,7 m² đất nông nghiệp tại 5 thửa 71.1; 72.1; 73.4; 74.1 và 75.1 trong đó xác định diện tích đất được giao theo Giấy chứng nhận là 1199,3 m². Như vậy, Mặc dù Quyết định 1357 chưa chính xác về diện tích bị thu hồi của gia đình ông N nhưng đã được cơ quan có thẩm quyền khắc phục bằng các Quyết định số 482a và 493, theo đó đã xác định đúng loại đất, đủ diện tích bị thu hồi nên quyền lợi của gia đình ông N vẫn đảm bảo.

[3] Đối với quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gồm quyết định 1358 ngày 30/9/2011; Quyết định 549 và Quyết định 493a.

Trên cơ sở điều chỉnh về diện tích bị thu hồi nên Ủy ban nhân dân huyện V đã ban hành Quyết định số 549a ngày 11/6/2012 về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường hỗ trợ GPMB công trình khu văn hóa thể thao (Sân vận động) xã T, huyện V và Quyết định số 493a về việc phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư công trình khu văn hóa thể thao (Sân vận động) xã T, huyện V.

Tại quyết định 1358 thể hiện gia đình ông N được bồi thường 86.272.552 đồng. Tại Quyết định 549a thể hiện gia đình ông N được bồi thường 223.278.400 đồng; tại Quyết định 493a ông N được bồi thường 227.898.900 đồng. Như vậy, mặc dù Quyết định 1358 đã tính mức bồi thường chưa đúng với diện tích thực tế đã thu hồi nhưng đã được khắc phục tại Quyết định 549a và Quyết định 493a; việc bồi thường đảm bảo đơn giá tại thời điểm lập phương án bồi thường nên đảm bảo quyền lợi của người bị thu hồi theo quy định pháp luật.

[4] Công trình khu văn hóa thể thao (Sân vận động) xã T do UBND xã T làm chủ đầu tư, ngày 14/4/2014 UBND xã T có tờ trình số 18 đề nghị UBND

huyện V, UBND tỉnh P phê duyệt thu hồi 10.494,7m² đất tại xã T trong đó diện tích đất nông nghiệp 10.396m², diện tích đất phi nông nghiệp (đất giao thông) 98,7m² để giao sử dụng xây dựng sân vận động xã T 10.367m² giao UBND xã T quản lý 127,7m². Theo khoản 1 Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ thì “Trường hợp khu đất thu hồi có cả tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi đất đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài và giao đất, cho thuê đất theo dự án cho chủ đầu tư trong cùng một quyết định”. Nên UBND tỉnh P có quyết định thu hồi đất giao cho UBND xã T thực hiện dự án từ đất nông nghiệp chuyển sang đất chuyên dùng phù hợp quy định tại Điều 37, 44 Luật đất đai năm 2003.

Ngày 10/5/2011, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng đã tiến hành kiểm kê đất và các tài sản trên đất của hộ gia đình ông N bà N1 gồm có 01 nhà trồng cây, lán để xe ô tô, đất đổ và các cây cối như chuối, xoan, bưởi, nhãn, vải, khế, ổi, táo, cây sưa con, cây sung. Ngày 13/01/2015, tổ kiểm kê của UBND huyện V và UBND xã T đã kiểm kê các tài sản trên đất của hộ gia đình ông N bà N1 nhưng không có gì thay đổi so với biên bản kiểm kê ngày 10/5/2011. Ngày 25/4/2013, 26/4/2013, 02/5/2013 tổ tuyên truyền vận động của huyện V đã phối hợp với Đảng ủy, HĐND, UBND, các ban ngành đoàn thể xã T và Hội đồng bồi thường GPMB tuyên truyền vận động nhưng hộ gia đình ông N, bà N1 không nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng nên ngày 24/12/2014 UBND huyện V đã ban hành Quyết định số 7169/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ gia đình ông N bà N1. Ngày 25/12/2014 UBND xã T đã niêm yết quyết định cưỡng chế tại UBND xã T và nhà văn hóa thôn T7 từ ngày 25/12/2014 đến ngày 08/01/2015.

Ngày 13/01/2015, UBND huyện V đã thi hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp đối với hộ gia đình ông N bà N1. Khi cưỡng chế ban chỉ đạo cưỡng chế chỉ đạo chủ đầu tư và đơn vị thi công tiến hành san gạt mặt bằng, thu dọn cây cối, lều quán để tiến hành thi công công trình, không thu giữ bất kỳ tài sản, cây cối gì của gia đình ông N, bà N1; lán xe ô tô và các tài sản trong nhà tạm, quán tạm gia đình ông N, bà N1 tự tháo dỡ được thể hiện tại biên bản thi hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất vào hồi 7 giờ 15 phút ngày 13/01/2015. Vì vậy quyết định số 7169 ngày 24/12/2014 của UBND huyện V là phù hợp với quy định của pháp luật định.

[5] Về yêu cầu bồi thường: Gia đình ông N, bà N1 yêu cầu bồi thường thiệt hại về đồ đạc và các tài sản trên đất tổng cộng là 462.700.000đ tuy nhiên việc thu hồi và cưỡng chế thu hồi đất và phương án bồi thường đảm bảo quy định pháp luật; phía người khởi kiện không chứng minh được thiệt hại cụ thể nên không có căn cứ xem xét.

Từ những phân tích trên cho thấy kháng cáo không có căn cứ chấp nhận nên cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật. Riêng bà N1 là người cao tuổi nên được trả lại án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 01/2015/HCST ngày 01/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh P.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: người kháng cáo mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được khấu trừ số tiền dự phí đã nộp tạm ứng án phí tại cơ quan thi hành án dân sự tỉnh P, cụ thể: anh N3 đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số AA/2014/0004796 ngày 11/7/2017; anh N2 đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số AA/2014/0004795 ngày 11/7/2017; anh N4 đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số AA/2014/0004794 ngày 11/7/2017. Miễn án phí Hành chính phúc thẩm cho bà N1; hoàn trả cho bà N1 số tiền đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số AA/2014/0004797 ngày 11/7/2017

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Bình Nguyễn Xuân Hùng

Nguyễn Thị Thanh Xuân

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh P
- VKSND tỉnh P
- Cục THADS tỉnh P
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: P.HCTP-VP; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Xuân